CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam

Ngày 30/06/2025	8,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.4%	-	-

DT thuần
Q2/25
-0.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.6| -102%
YoY: ▼15.7| -102%

LN thuần
Q2/25
0.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.05| 83.9%
YoY: ▲ 0.35| 146%

LN sau thuế
Q2/25
0.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.05| 159%
YoY: ▲ 0.06| 289%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-62.3%
YoY: +/-▼ 63.0%

ROE (TTM)
Q2/25
0.5%
YoY: +/-▲ 0.1%

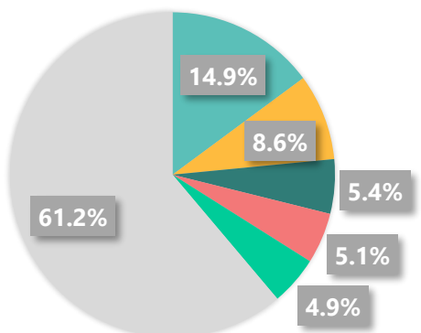
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 20,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	34
Số lượng CPLH (CP)	4,103,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,260
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	1.23
EPS	62
P/E	132.8

DT thuần
6T 2025
13.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼22.3| -63.2%

LN thuần
6T 2025
0.17
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.34| 203%

LN sau thuế
6T 2025
0.11
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.03| 38.2%

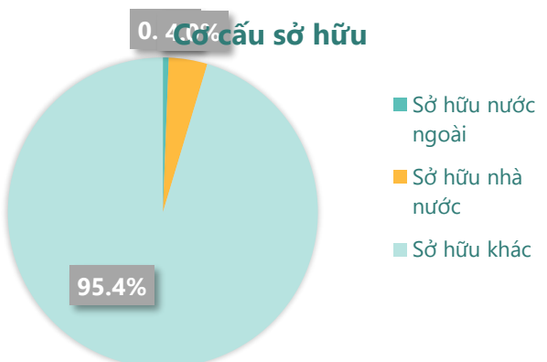
Cơ cấu cổ đông



- Trần Thị Hồng Thái
- Nguyễn Đình Hùng (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Quốc Tú (Chủ tịch HĐQT)
- Vũ Khánh Hòa
- Lê Thị Tú Hạnh
- Khác

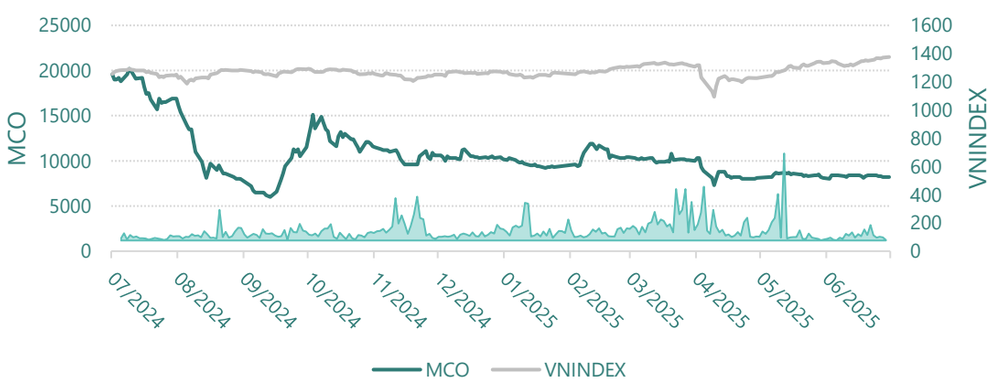
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



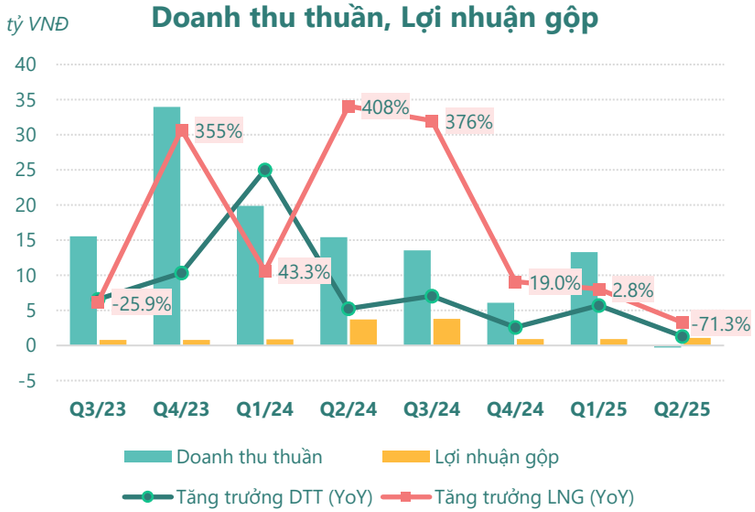
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



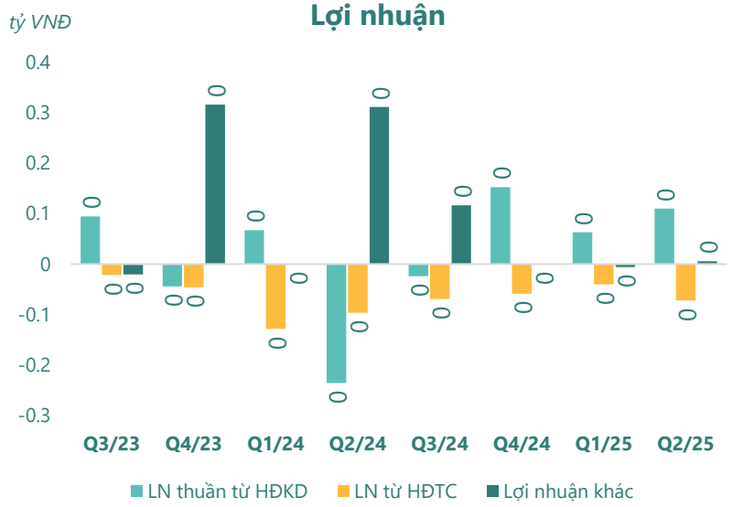
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



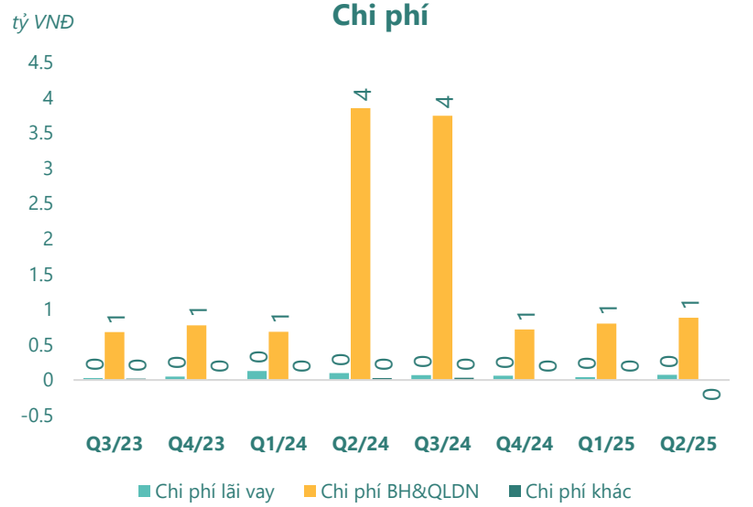
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



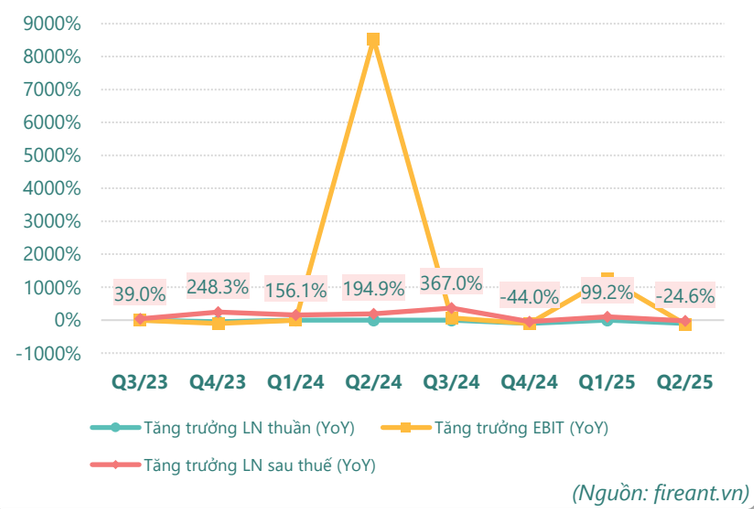
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



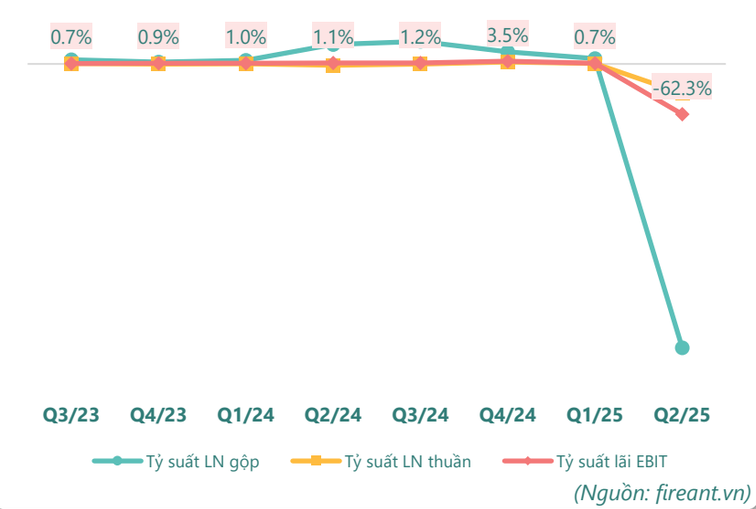
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



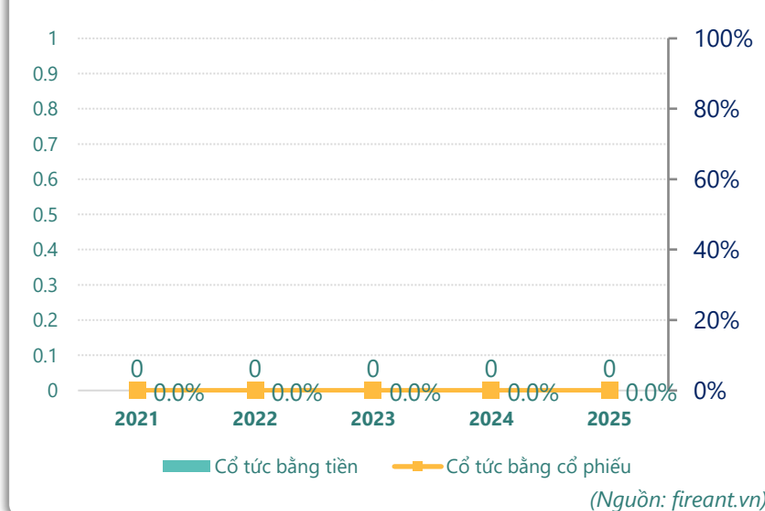
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



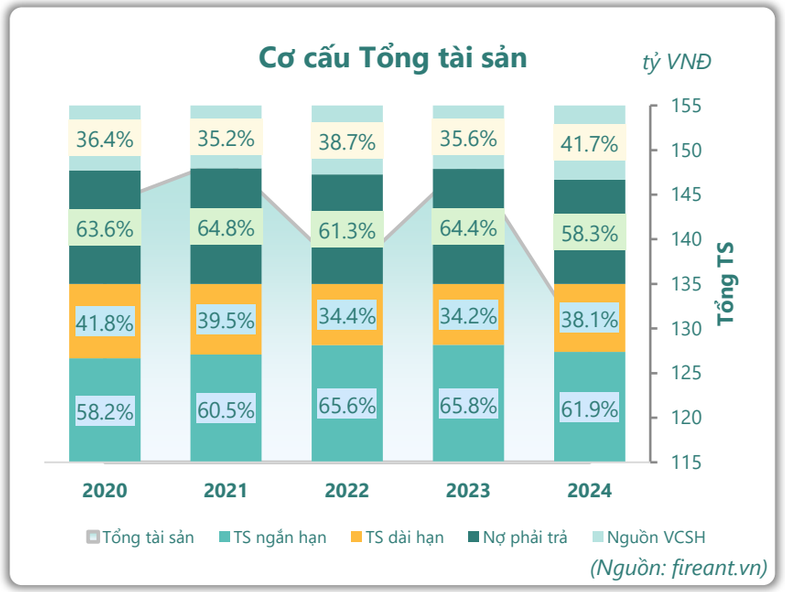
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

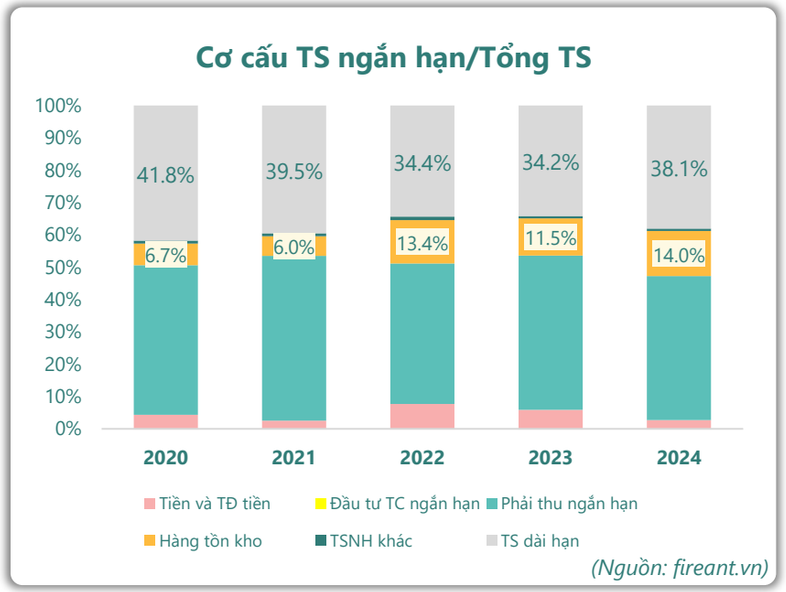


(Nguồn: fireant.vn)

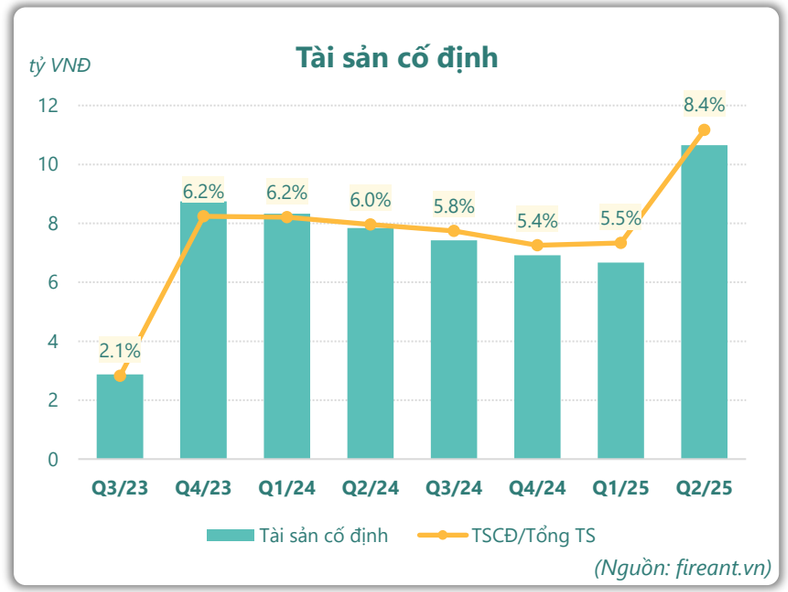
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



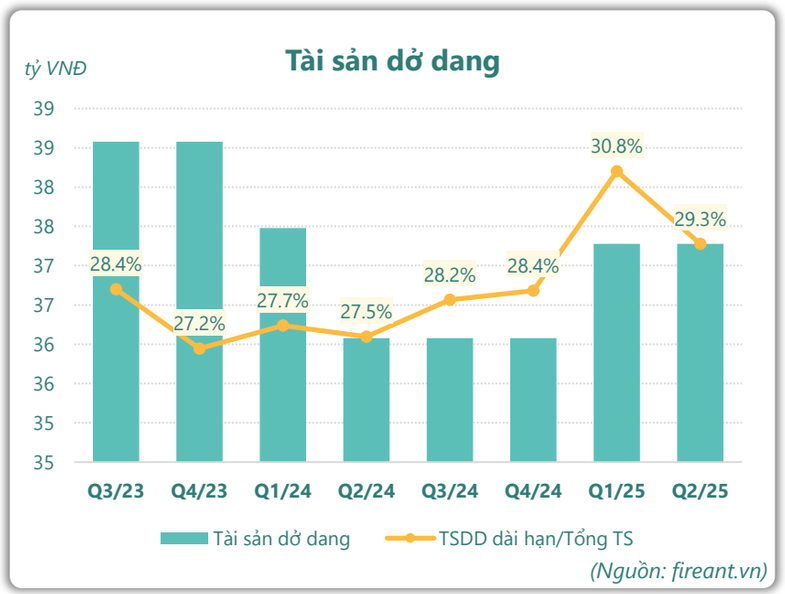
(Nguồn: fireant.vn)



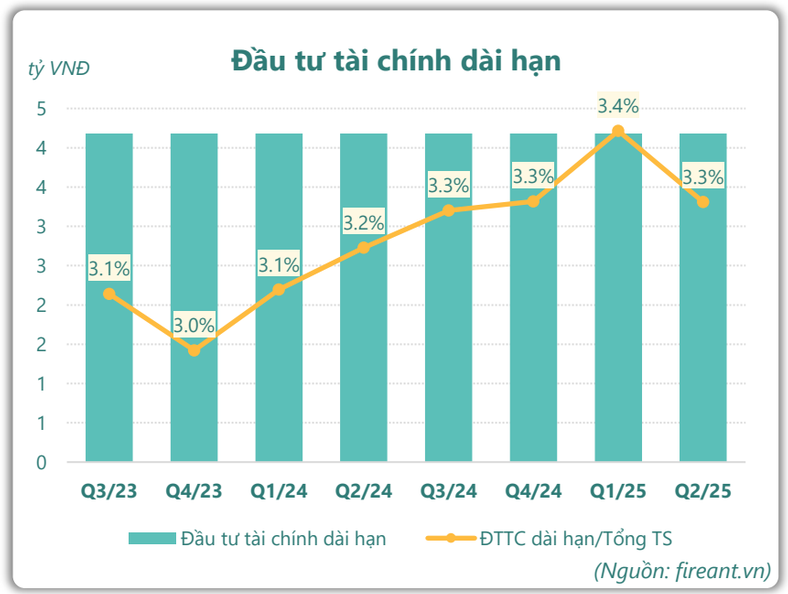
(Nguồn: fireant.vn)



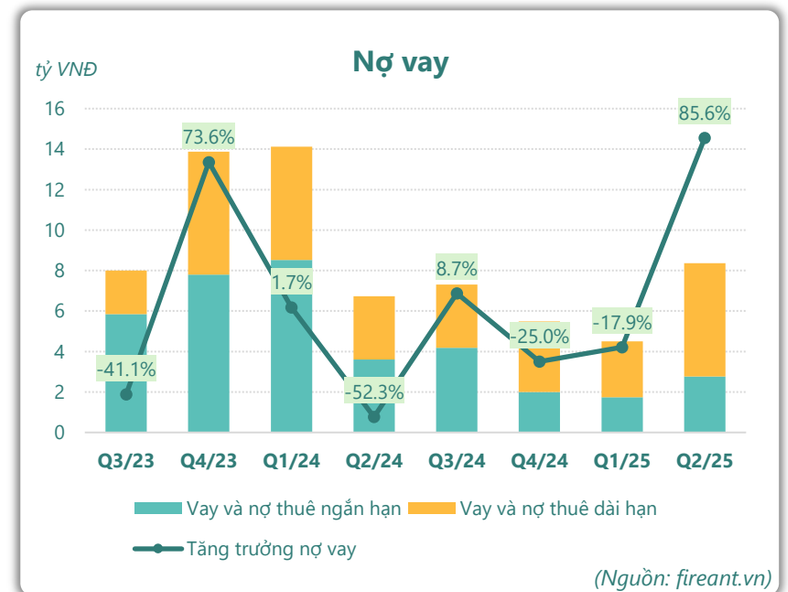
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



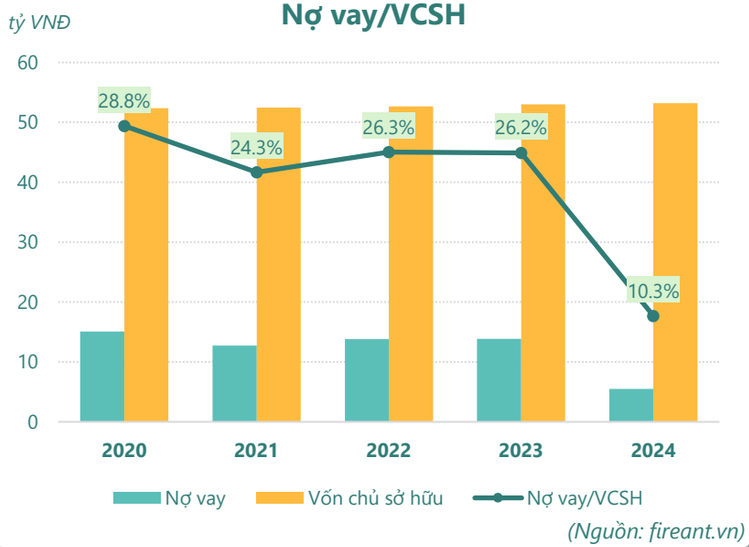
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

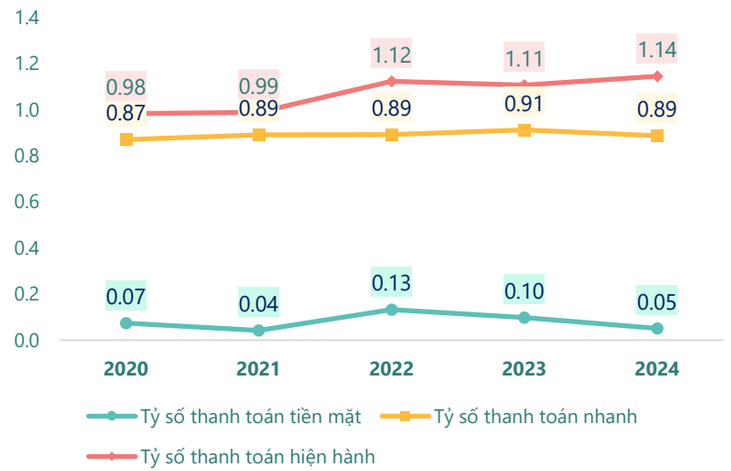
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



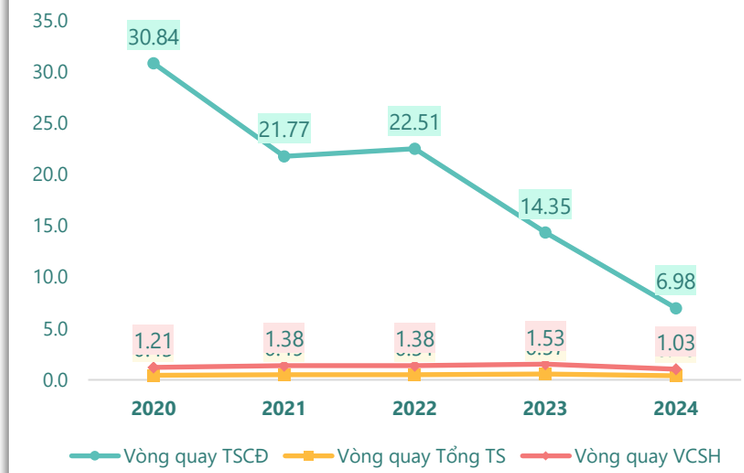
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



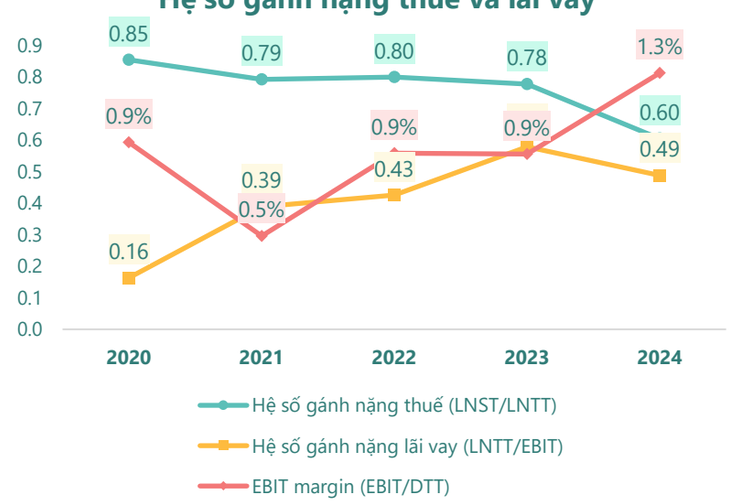
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



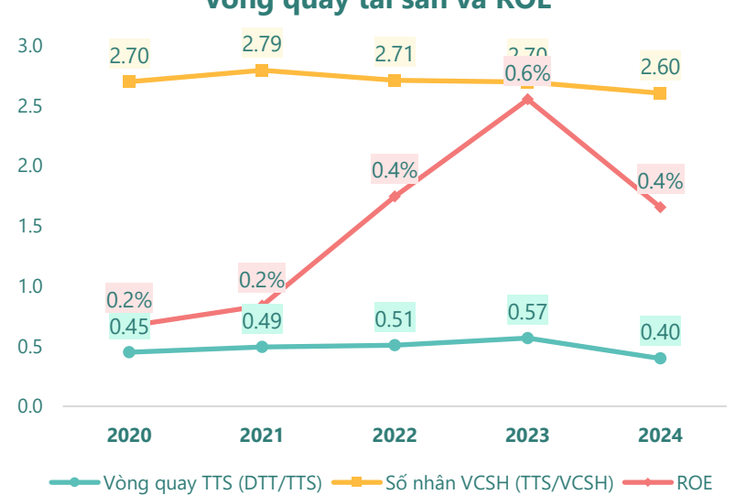
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



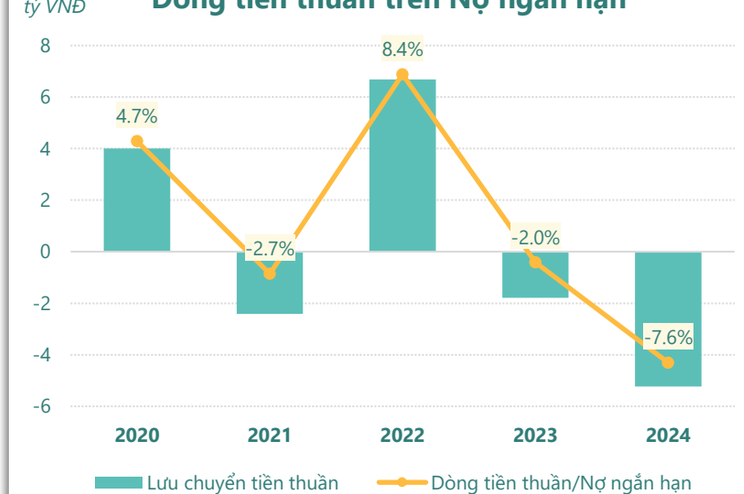
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**-0.30**	**15.4**	**-102%**	**13.0**	**35.3**	**-63.2%**
Giá vốn hàng bán	-1.37	11.7	-112%	11.0	30.7	-64.1%
Lợi nhuận gộp	1.06	3.71	-71.3%	1.97	4.59	-57.1%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-31.2%
Chi phí TC	0.07	0.10	-27.8%	0.11	0.23	-49.8%
Chi phí lãi vay	0.07	0.10	-27.8%	0.11	0.23	-49.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.88**	**3.85**	**-77.1%**	**1.68**	**4.54**	**-62.9%**
LN thuần từ HĐKD	0.11	-0.24	146%	0.17	-0.17	203%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**0.31**	**-98.1%**	**0.00**	**0.31**	**-100%**
LN trước thuế	0.12	0.08	45.3%	0.17	0.14	21.5%
Lợi nhuận sau thuế	**0.08**	**0.02**	**289%**	**0.11**	**0.08**	**38.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.08**	**0.02**	**289%**	**0.11**	**0.08**	**38.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.29	0.95	-1.32	2.59	3.79	-3.11
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.37	5.85	0.16	0	-4.24	-0.66
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.24	-7.39	0.58	-1.83	-0.99	3.85
Tiền đầu kỳ	8.73	3.90	3.32	2.74	3.51	2.07
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.84**	**-0.58**	**-0.58**	**0.77**	**-1.44**	**0.08**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.90	3.32	2.74	3.51	2.07	2.15

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**127**	**128**	**-0.4%**
Tài sản ngắn hạn	75.0	79.0	-5.1%
Tiền và tương đương tiền	2.15	3.51	-38.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	59.7	56.8	5.1%
Hàng tồn kho	12.2	17.8	-31.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.98	0.87	13.0%
Tài sản dài hạn	**52.2**	**48.7**	**7.3%**
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.0%
Tài sản cố định	10.6	7.06	50.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	37.3	37.3	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.18	4.18	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.04**	**0.10**	**-61.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	73.8	74.4	-0.8%
Nợ ngắn hạn	**66.5**	**69.0**	**-3.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.76	1.74	59.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.1	28.2	-3.7%
Nợ dài hạn	7.30	5.45	33.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.60	3.75	49.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**53.3**	**53.2**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**53.3**	**53.2**	**0.2%**
Vốn điều lệ	41.0	41.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)